

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung,
bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý
của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 672/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 933/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 815/TTr-SKHCN ngày 09 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ thủ tục hành chính số 4, 6, 7 tại phần A; sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 1, 2, 5 phần B tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

2. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 4, 5, 6, 7 mục I phần A tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

3. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 2 mục I phần A tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ;

4. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 23, 24 mục I; số 1, 2, 6, 9, 10, 11, 19 mục III; số 1, 2, 3, 6 mục VI tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang;

5. Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 1, 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10 tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này và cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Khoa giáo - Văn xã;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1.	2.002249	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 02/2018/TT-BKHHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công

					hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; - Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số Thông tư thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2.	2.002248	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

					hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	
3.	1.013918	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Mức thu phí thẩm định đối với xem xét, chấp thuận chuyển giao công nghệ là 10 (mười) triệu đồng	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4.	1.013927	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục	Mức thu phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ để cấp Giấy phép chuyển	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

				vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5.	1.013931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.

6.	1.013939	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
7.	1.011812	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/QĐ-TTg ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCHN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 58/2025/TT-BKHCHN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
8.	2.001137	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành,	- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia	Không	- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025; - Luật Chuyển giao công nghệ

		nghe ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	nhận hồ sơ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo bằng văn bản hoặc trên Cổng thông tin điện tử đối với các hồ sơ hợp lệ hoặc không hợp lệ; - Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày xác nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức xét duyệt nhiệm vụ. - Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản họp Hội đồng xét duyệt, văn bản kiến nghị của tổ chức tư vấn xét duyệt, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thông báo kết quả cho tổ chức đề	(https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		ngày 19/6/2017; - Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15 ngày 10/12/2025; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
--	--	--	---	--	--	--

			xuất để hoàn thiện hồ sơ. - Trong thời hạn 10 ngày cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo xem xét, phê duyệt nhiệm vụ.			
9.	1.011814	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 01 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ

		ngiên cứu kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 11 ngày làm việc. - Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng	vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
10.	1.011815	Mua sáng chế, sáng kiến - Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 11 ngày làm việc. - Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 04 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

			làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.			
11.	1.011816	Hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực	- Gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có): 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thực hiện việc đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá: 11 ngày làm việc. - Người có thẩm quyền xem xét hồ trợ, mua: Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng.	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1.	1.013955	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đ - Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;

						- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.
2.	1.013974	Yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Không	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.
3.	1.013916	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15;

				Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 75.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000đ. - Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000đ.	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020; Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.
4.	1.013919	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ.	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15;

				Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 75.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định cấp lại chứng chỉ: 150.000 đ. - Lệ phí cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 100.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí cấp lại Quyết định cấp chứng chỉ: 200.000đ.	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5.	1.013928	Ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15;

				Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 75.000đ. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000đ.	- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6.	1.013956	Cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	10 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000đ	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.

7.	1.013958	Cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 93/2025/QH15; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8.	1.011938	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.	- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Lĩnh vực Viễn thông và internet

TT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1.013899	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Phí: không có - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
2	1.013900	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn);	- Phí: không có - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP

		cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.		- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3	1.013902	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4	1.013904	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

		tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.		Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5	1.013905	Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6	1.013906	Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn);	Phí: không có Lệ phí: 500.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

		đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).		- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
7	1.013907	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Phí: không có Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8	1.013976	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm	- Phí: không có - Lệ phí: 1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

		mạng viễn thông cố định mặt đất).		Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
9	1.013910	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá.	05 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Lệ phí: 350.000 đồng/lần	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03/6/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.
10	1.013911	Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá.	05 ngày	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn); - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm	Không	- Luật Viễn thông ngày 24/11/2023; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 03/6/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

				Phục vụ hành chính công tỉnh; - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
--	--	--	--	---	--	---

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

1. Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1.	2.001143	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ
2.	1.002690	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ
3.	2.001643	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ